**Phụ lục 3**

**KHUNG THAM KHẢO DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP BỘ TƯƠNG ỨNG VỚI SẢN PHẨM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Sản phẩm đề tài** | **Kinh phí** *(triệu đồng)* |
| **I** | **Mức kinh phí cơ bản** |  |
| 1 | 01 bài báo tạp chí WoS (Q1, Q2); 01 bài báo tạp chí trong nước (thuộc danh mục HĐGSNN); 01 luận văn Thạc sĩ hoặc hỗ trợ 1 NCS | 300 |
| 2 | 01 bài báo tạp chí WoS (Q3, Q4); 01 bài báo tạp chí trong nước (thuộc danh mục HĐGSNN); 01 luận văn Thạc sĩ hoặc hỗ trợ 1 NCS | 250 |
| 3 | 01 bài báo tạp chí Scopus; 01 bài báo tạp chí trong nước (thuộc danh mục HĐGSNN); 01 luận văn Thạc sĩ hoặc hỗ trợ 1 NCS | 200 |
| **II** | **Mức kinh phí cộng thêm cho sản phẩm tăng thêm** |  |
| 1 | 01 bài báo tạp chí WoS (Q1, Q2) | 200 |
| 2 | 01 bài báo tạp chí WoS (Q3, Q4) | 150 |
| 3 | 01 bài báo tạp chí Scopus | 100 |
| 4 | 01 bài báo tạp chí trong nước (thuộc danh mục HĐGSNN) hay 01 sách tham khảo | 50 |
| 5 | 01 luận văn Thạc sĩ hoặc hỗ trợ 01 NCS | 50 |
| 6 | 01 sản phẩm ứng dụng hay SHTT (quy trình công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích,…) | 100 - 200 |

***Ghi chú:***

* Trên đây chỉ là khung tham khảo từ kết quả phê duyệt đề tài KH&CN cấp Bộ các năm trước để giúp dự toán kinh phí phù hợp, không phải là quy định phải tuân theo về kinh phí.
* Tổng kinh phí có thể tăng/giảm khoảng 10% tùy theo lĩnh vực (KH tự nhiên, Kỹ thuật công nghệ, KH xã hội và nhân văn…) hoặc theo quy mô, tính chất đề tài (có/không có thí nghiệm),…
* Đề tài có sản phẩm ứng dụng có khả năng chuyển giao, thương mại hóa hoặc đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích có thể dự toán ở mức kinh phí cao hơn theo giá trị của sản phẩm dự kiến.